

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: 473 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 8623 566

Fax: 043 8621 214

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN

CỦA

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

VỐN NHÀ NƯỚC

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN

KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI



Đại diện phần vốn Nhà nước

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

Số 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội

ĐT: (84-4) 6278 0126

www.scic.vn

Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

ĐT: (84-04) 3573 0073; Fax: (84-4) 3573 008

www.ivs.com.vn

(Để đảm bảo quyền lợi của các Nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá khuyến cáo các Nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham dự đấu giá)

MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
1.	Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại	5
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	6
2.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:	7
2.1.	Cơ cấu tổ chức:.....	7
2.2.	Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:.....	7
3.	Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty:	10
3.1.	Vốn Điều lệ của Công ty:	11
3.2.	Cơ cấu cổ đông của Công ty:	11
4.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:	11
5.	Tình hình lao động:	12
5.1.	Tổng số lao động của Công ty:.....	12
5.2.	Chính sách đối với người lao động:.....	12
6.	Đất đai nhà xưởng của Công ty đang sở hữu và đi thuê:.....	13
7.	Hoạt động kinh doanh:.....	14
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	15
7.2.	Cơ cấu chi phí:.....	16
7.3.	Tình hình công nợ hiện nay:	17
7.4.	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	19
V.	THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT	22
1.	Đánh giá thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình kinh doanh:.....	22
2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tới:	24
VI.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	25

1. Rủi ro kinh tế:	25
2. Rủi ro Pháp luật:	25
3. Rủi ro đặc thù:	26
4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá:	26
5. Rủi ro khác:.....	26
VII. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY.....	27
1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:	27
2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:.....	28
3. Danh sách thành viên Ban giám đốc:.....	32
4. Kế toán trưởng:.....	33
VIII. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ	34
1. Thông tin cơ bản:.....	34
2. Mục đích của việc chào bán:.....	34
3. Phương pháp tính giá:.....	34
4. Phương thức phân phối:	34
5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:.....	34
6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:	35
7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá:	35
8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá:	36
9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:.....	37
10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:	37
11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	37
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không	37
13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không	37
IX. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ	37
X. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	38

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

- ❖ **Tên Tiếng Việt** : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : TRANSPORT- WAREHOUSING AND TRADE SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : VINATRANCO
- ❖ **Trụ sở chính** : 473 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- ❖ **Điện thoại** : 043 8623 566
- ❖ **Fax** : 043 8621 214
- ❖ **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107691** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06 tháng 06 năm 2014, cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 với mã số cũ là 0103008644.
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Dịch vụ đóng gói;
 - Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Bán buôn tổng hợp;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá;
 - Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
 - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
 - Tái chế phế liệu;
 - Vận tải hành khách đường bộ khác;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bán buôn đồ uống;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;

- Khai thác khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.

❖ **Vốn của Công ty:**

- Vốn điều lệ : 23.504.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 2.350.400 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

❖ **Thông tin về đợt chào bán:**

- Số lượng cổ phần chào bán : 227.200 cổ phần
- Giá trị chào bán : 2.272.000.000 đồng
- Giá khởi điểm : 15.000 đồng/cổ phần

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- ❖ Luật doanh nghiệp 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- ❖ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- ❖ Quyết định số 57 /QĐ-ĐTKDV ngày 11/02/2015 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tổ chức phát hành:** Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Đại diện theo Pháp luật: Ông Vũ Thanh Hà
Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Tổ chức tư vấn:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
Đại diện tổ chức tư vấn: Ông Phạm Hữu Tuân
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này phục vụ cho việc bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại cung cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tự tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức tư vấn (IVS) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại cung cấp không đầy đủ hoặc trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Ban tổ chức đấu giá : Đại diện Công ty, đại diện tổ chức bán đấu giá được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công việc liên quan khác.

Công ty : CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại

CTCP : Công ty cổ phần

HĐQT : Hội đồng quản trị

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

LNST : Lợi nhuận sau thuế

Tổ chức bán đấu giá : Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

SCIC : Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

UBND : Ủy ban Nhân dân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày

29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và dịch vụ thương mại- một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981. Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, ngày 5/11/2004 Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1632/QĐ- BTM chuyển Công ty kho vận và dịch vụ thương mại thành công ty cổ phần. Dưới công ty có các chi nhánh, công ty TNHH một thành viên ở Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bình Dương và liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước.

Năm 2005 Công ty tiến hành cổ phần hóa theo quyết định số 1309/QĐ-BTM ngày 28/04/2005 của Bộ Thương Mại về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại tại thời điểm 31/07/2005 và Quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 05/11/2004 của Bộ Thương Mại về việc chuyển Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại thành công ty cổ phần.

Một số mẫu sản phẩm công ty phân phối:



Sản phẩm Dầu FUCHS



Sản phẩm Dầu Total



Sản phẩm Dầu PTT

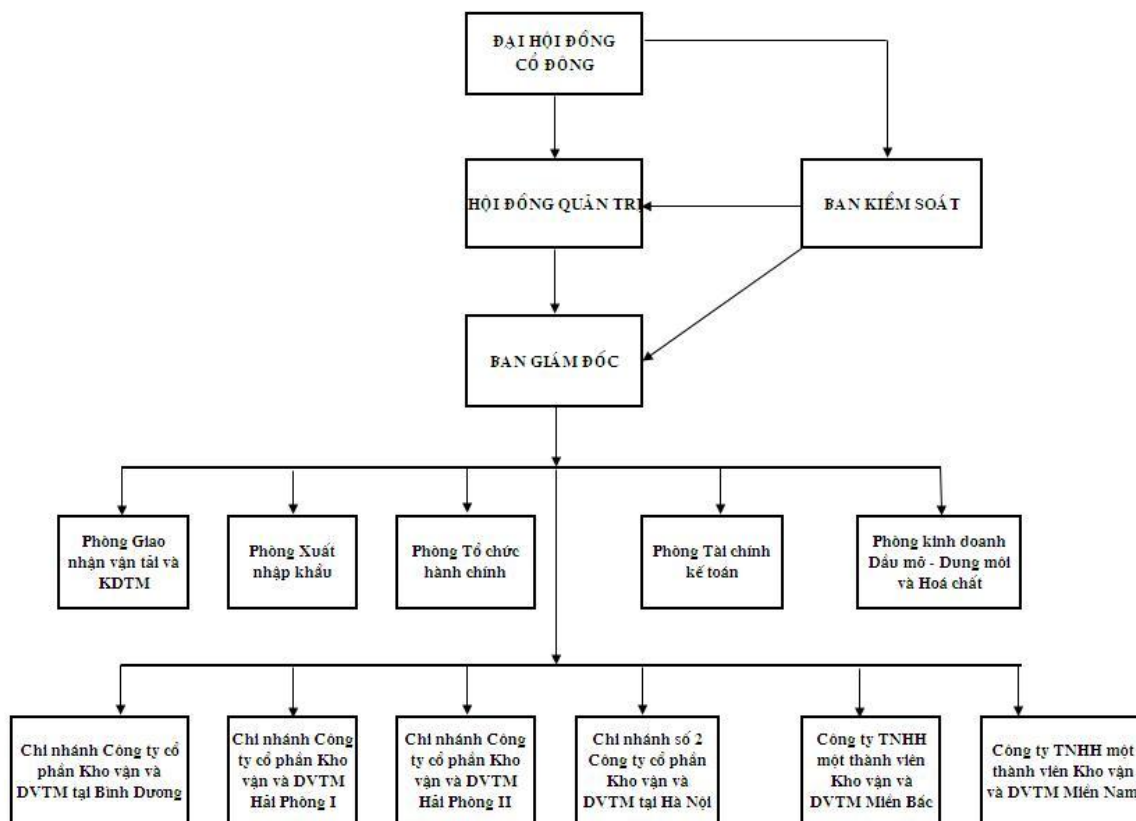


Sản phẩm Dầu Nhờn CPC

2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

2.1. Cơ cấu tổ chức:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.



2.2. Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:

2.2.1 Đại hội đồng cổ đông:

1) ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự, được tổ chức hàng năm. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự ĐHĐCĐ thành lập và ĐHĐCĐ thành lập cần có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 65% số vốn điều lệ ban đầu, với nhiệm vụ chính sau:

- Thảo luận và thông qua Điều lệ;
- Bầu HĐQT và BKS;
- Thông qua phương án hoạt động kinh doanh của Công ty.

2) ĐHĐCĐ thường niên có các quyền và nhiệm vụ như sau:

- ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- + Báo cáo tài chính hàng năm
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- + Báo cáo của kiểm toán viên.
- + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài của Công ty.
- ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua nghị quyết bằng văn bản các vấn đề sau:
 - a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm theo đề nghị của HĐQT phù hợp với Luật DN và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - c. Số lượng thành viên của HĐQT;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và BKS;
 - f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - h. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - j. Quyết định bán tài sản của Công ty (đơn vị thành viên) có trị giá từ 50% trở lên tổng trị giá tài sản của Công ty và các đơn vị thành viên tính theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất;
 - k. Công ty mua hoặc mua lại lớn hơn 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

2.2.2 Hội đồng quản trị:

- 1) HĐQT có 3 đến 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm.
- 2) Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 3) Đề cử thành viên vào hội đồng quản trị
 - Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 - Nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn sau tháng liên tục được quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử một thành viên của Hội đồng quản trị; từ 10% đến 30% được đề cử 2 thành viên; từ

30% đến 50% thì họ được đề cử 03 thành viên; từ 50% đến 60% được đề cử 04 thành viên và nếu lớn hơn 60% thì họ được đề cử đủ số ứng viên.

4) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn trong các ngành nghề kinh tế, kỹ thuật, quản trị kinh doanh phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty;
- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật DN;
- Đã tốt nghiệp đại học, có đủ điều kiện và kinh nghiệm thực tế quản lý Công ty;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan, độc lập, hiểu biết pháp luật: không tham ô, tham nhũng, chưa vi phạm pháp luật, chưa làm thất thoát tài sản của doanh nghiệp, có tinh thần đoàn kết, không có tư tưởng cục bộ đại phươg; có ý thức chấp hành nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, được quản chúng tín nhiệm;

5) HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Trình ĐHĐCĐ thông qua các mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty;
- b. Quyết định chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm do Tổng giám đốc trình;
- c. Quyết định cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý điều hành Công ty;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý (quy định tại khoản 1f, Điều 1, Điều lệ Công ty, trừ thành viên Ban kiểm soát). Tuy nhiên, việc miễn nhiệm đó không được trái các quyền hợp pháp được ghi trong hợp đồng lao động hay các thỏa thuận của những người bị bãi nhiệm;
- e. Quyết định mức lương, thưởng, kỷ luật đối với các cán bộ quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc thì mức lương thưởng do HĐQT quyết định;
- f. Đề xuất các loại và tổng số cổ phiếu từng loại phát hành;
- g. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
- h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức để ĐHĐCĐ xem xét và quyết định;
- j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty để ĐHĐCĐ xem xét và quyết định;
- k. Thực hiện các khiếu nại của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý để thực hiện các khiếu nại đó;

1. Lựa chọn công ty kiểm toán..

2.2.2 Ban kiểm soát:

- 1) Là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.
- 2) Ban kiểm soát có 3 thành viên trong đó có một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán, các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ là 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3) Ban kiểm soát đề cử một người làm trưởng ban kiểm soát.
- 4) Mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định.
- 5) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:
 - a. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính : việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các quy định trong điều lệ Công ty;
 - b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông;
 - c. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - d. Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty;
 - f. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - g. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và vi phạm kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - h. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hay tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - i. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình HĐQT;
 - j. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc;

- k. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
- l. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý.

3. Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty:

3.1. Vốn Điều lệ của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0100107691** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 13 ngày 06 tháng 06 năm 2014, Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại là **23.504.000.000** đồng (Hai ba tỷ, năm trăm linh tư triệu đồng) tương ứng 2.350.400 cổ phần và mệnh giá là 10.000 VNĐ.

3.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty:

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/09/2014

Stt	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông Nhà nước	757.120	7.571.200.000	32,21%
2	Cổ đông trong Công ty	706.644	7.066.440.000	30,06%
3	Cổ đông ngoài Công ty	886.636	8.866.360.000	37,72%
Tổng cộng		2.350.400	23.504.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

4. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:** Không có.

5. Tình hình lao động:**5.1. Tổng số lao động của Công ty:****Cơ cấu lao động của Công ty**

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ
1	<i>Phân theo trình độ lao động</i>		
	Trên Đại học và Đại học	58	55,2%
	Cao đẳng và trung cấp	8	7,62%
	Lao động phổ thông	39	37,14%
	Tổng cộng	105	100%
2	<i>Phân theo đối tượng lao động</i>		
	Lao động trực tiếp	21	20,0%
	Lao động gián tiếp	84	80,0%
	Tổng cộng	105	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

5.2. Chính sách đối với người lao động:

Người lao động trong Công ty được thực hiện Hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động và theo Luật Doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nộp đầy đủ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và các nghĩa vụ cho người lao động theo Luật BHXH và các quy định hiện hành.

6. Đất đai nhà xưởng của Công ty đang sở hữu và đi thuê:

TT	Địa Chỉ	Diện tích (m2)	Cơ sở pháp lý	Hình thức quản lý Nhà nước đối với thửa đất
1	473 Minh khai, Hai Bà Trưng, HN	413	Chưa ký lại hợp đồng thuê đất.	Trả tiền thuê đất hàng năm.
2	20 Mạc Thị Bưởi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.845	-HĐ thuê đất số 64/HĐTĐ ký với UBND Thành phố Hà Nội. - Thời hạn thuê đất: 30 năm kể từ ngày 15/10/1993.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
3	Xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	15.279	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916758 cấp ngày 28/07/2010 của UBND Thành phố Hà Nội. -HĐ thuê đất số 326/HĐ-TĐ ngày 17/12/2009 ký với UBND Thành phố Hà Nội. - Thời hạn thuê: 50 năm kể từ ngày 15/10/1993.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
4	Thôn Bình Minh, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội.	1.298	- Hợp đồng thuê đất số 109-09/HĐTĐTN ngày 25/05/2009 giữa UBND thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại. - Thời hạn thuê đất: 45 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 01/01/2053.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
5	Thôn Bình Minh, Trâu Quỳ, Hà Nội	7.195	-HĐ thuê đất số 109-09/HĐTĐTN ký với UBND Thành phố Hà Nội, thuê 45 năm từ 01/01/2008.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
6	Số 305 Lê Thánh Tông, Phường Máy Chai, Ngõ Quyền, Hải Phòng	3.635,79	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 316916 do UBND Tp.Hải Phòng cấp ngày 04/03/2013. - Thời hạn thuê 20 năm kể từ ngày 30/11/2000 đến ngày 30/11/2020.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

7	Ngõ 35 Trần Khánh Dư, P Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng	27.130,92	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00795 cấp ngày 04/03/2013 của UBND tỉnh Hải Phòng, HĐ thuê 25 năm từ 01/12/2000.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
8	226 Lê Lai, P.Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng	15.182,32	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 316915 do UBND Tp.Hải Phòng cấp ngày 04/03/2013., Thời hạn sử dụng: 25 năm kể từ ngày 01/11/2000 đến ngày 30/11/2025.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
9	Phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng	2.996,7	- Hợp đồng thuê đất số 195/HĐ-TĐ ngày 31/12/2013 giữa UBND Thành phố Hải Phòng và Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại. -Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 877981 do UBND Tp.Hải Phòng cấp ngày 24/01/2014. - Thời hạn thuê từ 03/10/2013 đến năm 2025.	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
10	Phường Thuận Giao, TX Dĩ An, Bình Dương	441,80	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng 441,8 m2 đất số BH 732743 ngày 12/01/2012 do UBND tỉnh Bình Dương cấp, thời hạn sử dụng đến 12/09/2061. - Mục đích sử dụng: Đất trồng cây xanh và hành lang an toàn đường bộ.	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
11	Phường Thuận Giao, TX Dĩ An, Bình Dương	2.763,90	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH732742 ngày 12/01/2012 do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Trong đó 2.500 m2 xây dựng nhà ở cho công nhân và 263,9 m2 thuộc hành lang an toàn đường bộ.	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
Tổng		79.181,43		

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

7. Hoạt động kinh doanh:**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:**

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng đầu năm 2014
Tổng tài sản	154.684.806.225	177.874.017.685	155.777.571.553	131.756.494.103
% tăng/giảm	14,8%	15,0%	-12,4%	-15,4%
Vốn điều lệ	23.504.000.000	23.504.000.000	23.504.000.000	23.504.000.000
Doanh thu thuần	383.755.468.081	343.111.424.881	324.947.457.515	187.862.128.028
% tăng/giảm	3,1%	-10,6%	-5,3%	-42,2%
Giá vốn hàng bán	320.063.401.408	276.788.069.876	263.152.657.022	139.771.425.883
% tăng/giảm	4,9%	-13,5%	-4,9%	-46,9%
Giá vốn hàng bán/DTT	83,4%	80,7%	81,0%	74,4%
Lợi nhuận sau thuế	4.889.311.604	4.782.250.626	6.420.745.546	3.027.112.870
% tăng/giảm	15,5%	-2,2%	34,3%	-52,9%
EPS	2.080	2.035	2.732	1.288

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Doanh thu thuần của Công ty giảm khoảng 10,6% trong năm 2012 và giảm gần 5,3% vào năm 2013, từ mức 383.755.468.081 đồng vào năm 2011 xuống còn 324.947.457.515 đồng vào năm 2013. Nguyên nhân chính của sự giảm sút doanh thu trong năm 2012 và 2013 là do trong mảng kinh doanh thương mại, hầu hết các khách hàng đều giảm giá thành đầu vào yêu cầu nhà cung cấp chia sẻ và giảm 30% sản lượng so với năm 2011. Việc thu hút khách hàng mới bằng cách bán giá thấp cũng ảnh hưởng lớn đến doanh thu của công ty. Ngoài ra, mảng giao nhận vận tải và kho bãi, nhiều khách hàng đã trả lại kho bãi do kinh doanh kém hiệu quả, cũng như nhiều khách hàng đã giảm giao nhận qua đường bay đã góp phần làm công ty giảm sút doanh thu trong hai năm gần đây.

Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp chỉ giảm 2,2% vào năm 2012 và tăng lên 34,3% vào năm 2013, đạt mức 6.420.745.546 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do sự giảm xuống ở chi phí hoạt động tài chính mà chủ yếu là chi phí lãi vay đã góp phần làm tăng lợi nhuận năm 2013 so với năm 2012. Cụ thể, chi phí hoạt động tài chính năm 2013 đã giảm 34% so với năm 2011 và 25% so với 2012.

Trong 9 tháng đầu năm 2014, tỷ trọng GVHB/DTT giảm xuống 74,4% so với những năm trước luôn đạt tỷ trọng trên 80%, nguyên nhân là do giá dầu - mặt hàng kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của công ty giảm từ đầu năm đến nay.

7.2. Cơ cấu chi phí:

Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
GVHB	#####	84,2	276.788.069.876	81,5	263.152.657.022	82,2	139.771.425.883	75,6
Chi phí TC	9.696.020.013	2,6	8.552.752.685	2,5	6.394.251.504	2,0	3.717.345.484	2,0
Lãi vay	9.109.179.215	2,4	8.337.942.949	2,5	6.305.180.516	2,0	206.348.046	0,1
Chi phí BH	40.922.271.927	10,8	43.893.972.107	12,9	40.395.253.628	12,6	34.380.746.709	18,6
Chi phí QLDN	9.478.462.454	2,5	10.303.332.894	3,0	9.992.831.514	3,1	7.079.917.045	3,8
Tổng cộng	380.166.587.702	100	339.538.229.910	100	319.947.183.508	100	184.949.435.121	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

.Tổng chi phí đã giảm 12,58% vào năm 2012 và 5,45% vào năm 2013. Việc giảm 13,52% và gần 5% ở các năm tương ứng của giá vốn hàng bán, khoản mục luôn chiếm trên 81,5% tỷ trọng tổng chi phí, là nguyên nhân chính gây ra sự sụt giảm này. Chi phí lãi vay đã giảm từ mức 9.109.179.215 đồng năm 2011 xuống còn 6.305.180.516 đồng năm 2012. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng trên 10% trong ba năm, đạt 40.395.253.628 đồng vào năm 2013. Trong 9 tháng đầu năm 2014, tỷ trọng chi phí bán hàng tăng lên 18,6% nguyên nhân là do tỷ trọng giá vốn hàng bán giảm xuống trong khi tỷ trọng chi phí tài chính và tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp ít biến động. Chi phí này chủ yếu là tiền thuê đất và tiền thuế đất được hạch toán vào nên khá cao. Chi phí quản lý doanh nghiệp biến động không nhiều, ở xung quanh mức 10 tỷ.

7.3. Tình hình công nợ hiện nay:**Các khoản phải thu***Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Phải thu của khách hàng	45.143.095.580	53.784.642.776	58.026.851.331	56.578.592.818
Trả trước cho người bán	7.076.217.544	4.592.253.350	5.822.591.051	7.902.722.895
Các khoản phải thu khác	1.627.972.628	955.960.377	3.605.289.671	1.559.146.991
Tổng	53.847.285.752	59.332.856.503	67.454.732.053	66.040.462.704

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Tổng các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2013 tăng 14% so với năm 2012 và tăng 25% so với năm 2011. Nguyên nhân là do sự tăng lên của khoản mục phải thu khách hàng, khoản mục luôn chiếm tỷ lệ trên 84% trong 3 năm liên tiếp từ năm 2011, đã tăng lên 19% từ năm 2011 đến 2012 và tăng lên 8% từ 2012 đến 2013. Các khoản mục còn lại bao gồm trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác đều biến động giảm vào năm 2012 và biến động tăng vào năm 2013. Cụ thể, trả trước cho người bán đã giảm từ 7.076.217.544 đồng năm 2011 xuống còn 4.592.253.350 đồng vào năm 2012 và tăng lên mức 5.822.591.051 đồng vào năm 2013. Thời điểm ngày 30/09/2014 tỷ trọng các khoản mục phải thu khách hàng vẫn duy trì ở mức 86%, các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tỷ trọng có tăng nhẹ, cụ thể lần lượt tăng từ 7,7% lên 8,6% và từ 1,6% lên 5,3% so với năm 2013.

Các khoản phải trả*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Nợ ngắn hạn	127.424.052.334	147.383.936.720	123.490.588.655	101.983.133.921
Vay và nợ ngắn hạn	51.712.827.886	95.831.545.389	90.637.535.077	59.943.333.566
Phải trả người bán	54.229.833.384	29.903.662.461	14.099.274.416	20.043.497.046
Người mua trả tiền trước	7.930.056.476	9.111.817.671	6.807.748.682	2.506.423.353
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	6.440.149.852	7.615.141.434	7.352.212.015	7.859.347.852
Phải trả người lao động	3.541.336.653	3.124.844.575	3.492.937.224	2.439.990.745
Chi phí phải trả	3.541.336.653	1.090.914.942	557.060.520	1.496.145.479
Các khoản phải trả phải nộp khác	28.511.430	706.010.248	543.820.721	7.694.395.880
Nợ dài hạn	13.067.404	9.517.176	0	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	13.067.404	9.517.176	-	-
Tổng cộng	127.437.119.738	147.393.453.896	123.490.588.655	101.983.133.921

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Nợ ngắn hạn chiếm gần như hoàn toàn trong tổng các khoản phải trả, trung bình chiếm 99,99% tổng các khoản phải trả trong giai đoạn 2011-2013. Do vậy, tổng các khoản phải trả có biến động cùng chiều với tổng nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn tăng 15,66% năm 2012 và giảm xuống 16,21% trong năm 2013. Trong năm 2013 và 9 tháng đầu năm 2014, nợ ngắn hạn chiếm 100% trong tổng Nợ.

Trong năm 2012 ghi nhận khoản mục vay và nợ ngắn hạn tăng mạnh, gần 85,31% trong năm 2012 lên mức 95.831.545.389 đồng và giảm xuống 5,42% vào năm 2013 ở mức 90.637.535.077 đồng. Khoản mục này đã tăng tỷ trọng từ chiếm 40,58% vào năm 2011 lên tới 73,4% tổng các khoản phải trả vào năm 2013 và đến cuối tháng 9 năm 2014 giảm mạnh xuống mức 58,78%. Phải trả người bán ghi nhận sự giảm sút trong cả số tiền và cả tỷ trọng: giảm 44,86% vào năm 2012 và 52,85% vào năm 2013 trong tổng số tiền, giảm từ mức 42,55% tỷ trọng vào năm 2011 xuống còn 11,42% tỷ trọng trong năm 2013, đến cuối tháng 9 năm 2014 thì tỷ trọng của khoản phải trả người bán tăng 19,65% trong tổng nợ phải trả.

Các khoản mục khác ghi nhận tăng vào 2012 và giảm vào 2013 bao gồm người mua trả tiền trước, thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước và các khoản phải trả phải nộp khác. Các

khoản phải trả phải nộp khác trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2013 chiếm tỷ trọng rất thấp (xấp xỉ 1%) tuy nhiên đến cuối tháng 9 năm 2014 có sự tăng lên khá lớn chiếm khoảng 7,54%.

Nợ dài hạn chiếm một tỷ trọng rất nhỏ, chỉ khoảng 0,01% tổng khoản phải trả. Trong đấy, chủ yếu là khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm. Khoản này ghi nhận bằng 0 vào năm 2013 và 9 tháng đầu năm 2014.

7.4. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu:

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Nợ ngắn hạn	127.424.052.334	147.383.936.720	123.490.588.655	101.983.133.921
Vay và nợ ngắn hạn	51.712.827.886	95.831.545.389	90.637.535.077	59.943.333.566
Phải trả người bán	54.229.833.384	29.903.662.461	14.099.274.416	20.043.497.046
Người mua trả tiền trước	7.930.056.476	9.111.817.671	6.807.748.682	2.506.423.353
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	6.440.149.852	7.615.141.434	7.352.212.015	7.859.347.852
Phải trả người lao động	3.541.336.653	3.124.844.575	3.492.937.224	2.439.990.745
Chi phí phải trả	3.541.336.653	1.090.914.942	557.060.520	1.496.145.479
Các khoản phải trả phải nộp khác	28.511.430	706.010.248	543.820.721	7.694.395.880
Nợ dài hạn	13.067.404	9.517.176	0	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	13.067.404	9.517.176	-	-
Tổng cộng	127.437.119.738	147.393.453.896	123.490.588.655	101.983.133.921

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Từ bảng cơ cấu doanh thu ta có thể nhận thấy doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại là nguồn doanh thu chính, chiếm trên 90,6% cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2013. Doanh thu từ giao nhận dịch vụ năm 2011 chỉ chiếm 3,6% cơ cấu và đến năm 2013 chỉ chiếm 3,9% cơ cấu doanh thu. Doanh thu kho bãi cũng có tỷ trọng lớn hơn một chút, dao động quanh mức 5% trong hai năm 2012 và 2013.

Cơ cấu lợi nhuận:

(Đơn vị: đồng)

Hoạt động kinh doanh	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng
Lợi nhuận kho bãi	3.003.223.005	59,2%	2.407.067.028	50,1%	4.581.468.228	64,2%
Lợi nhuận giao nhận	271.226.354	5,3%	300.356.908	6,3%	208.683.882	2,9%
Lợi nhuận KD Thương mại	1.800.877.146	35,5%	2.094.205.500	43,6%	2.342.702.661	32,8%
Tổng cộng	5.075.326.505	100%	4.801.629.436	100%	7.132.854.771	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ đóng góp 30% đến 40% trong cơ cấu lợi nhuận mặc dù chiếm hơn 90% trong tỷ trọng cơ cấu doanh thu. Lý giải nguyên nhân này là do giá vốn hàng bán và chiết khấu thương mại lớn đã dẫn tới lợi nhuận thu về của hoạt động kinh doanh thương mại thấp hơn rất nhiều so với kinh doanh kho bãi. Trong khi đó những thay đổi từ chính sách thuế đất chưa tác động vào kết quả lợi nhuận của công ty trong ba năm từ 2011 đến 2013 nên lợi nhuận kho bãi thu về khá lớn, chiếm trên 50% cơ cấu lợi nhuận.

7.5. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	Đvt	2011	2012	2013	9/2014
Khả năng thanh toán					
1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,06	1,05	1,07	1,09
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,54	0,79	0,85	0,78
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1. Vòng quay các khoản phải thu	Lần	5,71	6,21	5,26	2,88
2. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	64	59	69	127
3. Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,00	5,32	7,90	4,75
4. Số ngày luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	52	69	46	77
5. Vòng quay vốn lưu động	Lần	3,05	2,38	2,26	1,54
6. Số ngày hoàn thành chu kỳ KD	Ngày	120	153	162	236
7. Vòng quay khoản phải trả	Lần	2,78	2,03	1,94	1,24
8. Kỳ trả nợ bình quân	Ngày	132	180	188	295
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	1,27	1,39	1,98	1,61
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	20,80	20,35	27,32	12,88
3. ROA	%	3,16	2,69	4,12	2,30
4. ROE	%	16,36	15,82	19,96	10,17
Chỉ số về cơ cấu vốn					
1. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	417,6	488,5	384,2	342,5
2. Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	%	80,68	83,01	79,35	77,40

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Hệ số về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đều ở dưới mức an toàn, trên 1. Hệ số khả năng thanh toán nhanh đặc biệt thấp, tuy từ năm 2011-năm 2013 có tăng lên từ 0,54 đến 0,85 nhưng 9 tháng đầu năm 2014 thì lại bị giảm nhẹ xuống còn 0,78 do tài sản lưu động trong 9 tháng đầu giảm mạnh hơn so với mức giảm của nợ ngắn hạn. Cụ thể là tài sản lưu động giảm trong 9 tháng đầu năm 2014 chủ yếu là do không có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nào như năm 2013. So với trung bình ngành, các tỷ số khả năng thanh toán của công ty không phải là quá thấp.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động: Vòng quay các khoản phải thu có xu hướng biến động quanh mức 6 lần là ở mức chấp nhận được so với các doanh nghiệp trong ngành, chứng tỏ việc quản lý vốn của Công ty được xem là chưa hiệu quả. Ngày thu tiền bình quân của Công ty có dấu hiệu tăng, chứng tỏ khách hàng đã tăng hiện tượng chậm trả tiền và gián tiếp chiếm dụng vốn của Công ty. Kèm theo đó, vòng quay hàng tồn kho tăng trong giai đoạn 2012-2013, điều này là do hàng tồn kho của Công ty đang giảm qua các năm.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng nhẹ, cộng với cả hai tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và trên tài sản đều tăng dần chứng tỏ công

ty đang làm ăn có lãi hơn so với các năm trước và doanh thu đang tăng lên trên một đồng vốn bỏ ra.

Trong 9 tháng đầu năm 2014, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm khá mạnh, cụ thể tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản giảm từ 4,12 xuống còn 2,3 và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm từ 19,96 xuống còn 10,17. Nguyên nhân là do trong 9 tháng đầu năm tỷ lệ lợi nhuận sau thuế giảm mạnh hơn nhiều so với mức giảm của tỷ lệ tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, cụ thể tỷ lệ lợi nhuận sau thuế giảm là 52,9% trong khi tỷ lệ tổng tài sản chỉ giảm 15,4% và tỷ lệ vốn chủ sở hữu giảm 7,6% so với năm 2013.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn: Tỷ lệ nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu ngày càng giảm dần. Công ty giảm dần phụ thuộc nhiều vào vốn vay để hoạt động. Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty luôn chiếm trung bình 80% cho thấy một đồng nợ được đảm bảo xấp xỉ 0,2 đồng tài sản, điều này khiến khả năng huy động vốn vay của Công ty cho hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ gặp khó khăn.

V. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Đánh giá thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình kinh doanh:

❖ *Thuận lợi:*

- Nhờ điều hành khá linh hoạt, biết thích ứng với hoàn cảnh và có dự phòng trước nên công ty không bị ảnh hưởng nhiều bởi khó khăn của việc tăng thuế đất, giảm lượng khách hàng do suy thoái kinh tế giai đoạn 2011-2013. Thêm nữa, công ty đã không ngừng mở rộng thị trường, phát triển thêm khách hàng, tìm kiếm thêm những nhà cung cấp có dòng sản phẩm phù hợp với thị trường với giá cả cạnh tranh...nhằm giữ công ty luôn ổn định và phát triển. Điều đó thể hiện ở kết quả sản xuất kinh doanh tốt và tỷ lệ chia cổ tức từ 16% đến 20%, vốn điều lệ được tăng lên từ 16 tỷ khi thành lập và đến nay là hơn 23,5 tỷ. Đời sống và thu nhập của người lao động trong công ty được ổn định và có xu hướng tăng lên so với mặt bằng chung của toàn xã hội.
- Công ty có bộ máy tổ chức, các đầu mối, các tổ chức quản lý trung gian tinh gọn, góp phần nâng cao hơn hiệu quả điều hành.
- Để ổn định trong mảng kinh doanh dầu nhờn và có thể phát triển lâu dài, ngoài hãng dầu Total mà công ty đang là nhà phân phối thông qua cty Việt Mỹ, công ty cũng đã trở thành nhà phân phối của 2 hãng dầu lớn là PTT Thái Lan và Fuchs của Đức, đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú hơn trong dãy sản phẩm mà công ty cung cấp ra thị trường. Ngoài việc mở rộng thị trường những mặt hàng kinh doanh truyền thống, công ty cũng đã đến phát triển mặt hàng mới và bước đầu đã có nhiều tín hiệu khả quan.
- Duy trì cơ sở vật chất có sẵn và không ngừng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cả kho tàng, đường nội bộ, trạm điện, xe nâng, mua mới xe tải, xe con...liên tục đổi mới và nâng cấp hệ thống máy vi tính, mạng internet tạo điều kiện tốt nhất cho việc nối mạng với

Hải quan, sử dụng phần mềm kế toán hay phần mềm bán hàng...không ngừng nâng cao điều kiện làm việc cho người lao động.

- Liên tục tuyển dụng và đào tạo để có được lực lượng lao động có trình độ, có sức khỏe và gắn bó với công ty, với công việc. Rèn luyện và thử thách để có được đội ngũ các cán bộ cốt cán, cán bộ quản lý, chuẩn bị đội ngũ kế cận cho các nhiệm kỳ tiếp theo.
- Nhập khẩu đáp ứng khá tốt cho nhu cầu kinh doanh. Là cầu nối quan trọng giữa nhà sản xuất, thương mại nước ngoài với nhu cầu nội địa, tạo được mối quan hệ gắn kết, cởi mở với các nhà cung cấp. Xuất khẩu phối hợp và gắn kết chặt chẽ với các bạn hàng để khai thác nguồn hàng, vừa hiệu quả, vừa cân đối được nguồn ngoại tệ và tiền thuế phải nộp.

❖ **Khó khăn:**

- Ảnh hưởng lớn nhất đối với công ty công ty là cơ chế điều hành tiền thuê đất. Trong phạm vi 5 năm, nhiều chính sách về tiền thuê đất được áp dụng. Khu vực Hải Phòng, mới làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có hợp đồng ổn định giá thuê 5 năm từ năm 2013. Hà Nội vẫn còn 2 khu vực chưa làm được hồ sơ đất (473 Minh Khai và gần 1300 m2 ở Trâu Quỳ), riêng đất ở 20 Mạc Thị Bưởi, đã có hợp đồng thuê, đang triển khai làm sổ đỏ. Vì vậy tiền thuê đất thường xuyên trong tình trạng tạm nộp. Hàng năm và thậm chí sau vài năm, công ty vẫn phải nộp những khoản tiền truy thu lớn về tiền thuê đất từ những năm trước. Việc này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xây dựng kế hoạch và tính chủ động của công ty.
- Công nợ quá hạn và khả năng rủi ro cao do các năm trước tồn đọng lại rất lớn tại các đơn vị: Văn phòng công ty, Cty TNHH MTV Kho Vận Miền Nam, CN Hải Phòng II. Một số vị trí lô đất nằm sâu trong thành phố như tại 35 Trần Khánh Dư, Hải Phòng và 20 Mạc Thị Bưởi, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Thuế đất tăng rất cao nên việc cho thuê kho không còn hiệu quả, tuy nhiên thị trường bất động sản chưa thực sự tốt để chuyển đổi mục đích sử dụng.
- Những tác động khác như về tỷ giá, về lãi suất ngân hàng, về thắt chặt tín dụng... công ty cũng chịu ảnh hưởng như những doanh nghiệp khác. Cũng vì những khó khăn chung của nhiều doanh nghiệp, đã tác động khá lớn đến hiệu quả của công ty: phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu, chi phí tăng trong khi giá không tăng, sản lượng kinh doanh giảm sút... tất cả những yếu tố đó làm giảm đáng kể hiệu quả kinh doanh.
- Kinh doanh thương mại mặc dù đã phát triển được một số khách hàng tiêu thụ dung môi khá lớn như các cty chiết suất cây thanh hao hoa vàng, mở rộng sản lượng tiêu thụ dầu RPO Iran cho một số khách hàng lớn ở phía bắc như cao su Sao vàng, Asean Tire, mở rộng cung cấp dầu thân thiện với môi trường cho Inoue, tăng sản lượng dầu PTT

cho một số khách hàng có nhu cầu lớn như đầu thủy lực cho Media...Nói chung công ty vẫn giữ được khách hàng cũ và phát triển được thêm nhiều khách hàng mới nhưng nhiều doanh nghiệp giảm sút sản xuất nên kết quả chung không tăng được nhiều so với năm 2012.

- Kinh doanh giao nhận vận tải và kho bãi cũng chịu ảnh hưởng của khó khăn chung. Nhiều đơn vị trả lại kho do làm ăn kém hiệu quả, cần giảm chi phí và nợ tiền thuê kho kéo dài, một hiện tượng ít thấy từ trước đến nay; Giao nhận vận tải mặc dù vẫn giữ được khách hàng lớn như Sony, Yangmin, nhưng mảng kinh doanh này cũng bị giảm sút, nhất là giao nhận qua đường hàng không.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tới:

Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014, 2015 và 2016

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Vốn điều lệ	23.504.000.000	23.504.000.000	23.504.000.000
Doanh thu thuần	250.000.000.000	275.000.000.000	295.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	1.205.000.000	4.520.000.000	4.700.000.000
Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ (%)	5,13%	19,23%	20%
Lợi nhuận sau thuế	940.000.000	3.526.000.000	3.760.000.000
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (%)	4,00%	15,00%	16,00%
Thù lao HĐQT, BKS (5%)	47.000.000	176.300.000	188.000.000
Trích quỹ phúc lợi (5%)	47.000.000	176.300.000	188.000.000
Tỷ lệ cổ tức trên VCSH(%)	4%	12%	12%

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Hiện tại, Công ty đang phải gánh chịu một khoản tiền thuê đất khá cao. Đây là một yếu tố hết sức quan trọng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh kho do thuê đất tăng cao từ 5-9 lần so với năm 2010 do hết thời gian được giảm thuế đất trong khi giá cho thuê kho tăng không thể tương ứng, nhiều khách sẽ trả lại kho nếu giá tăng (vì nhu cầu thuê kho của các doanh nghiệp vẫn thấp và có rất nhiều kho trống của đối thủ cạnh tranh). Một số vị trí lô đất nằm sâu trong thành phố như tại 35 Trần Khánh Dư, Hải Phòng và 20 Mạc Thị Bưởi, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Thuế đất tăng rất cao nên việc cho thuê kho không còn hiệu quả, tuy nhiên thị trường bất động sản chưa thực sự tốt để chuyển đổi mục đích sử dụng, nếu không được hỗ trợ của nhà nước thì khó có thể cân đối được. Do đó các năm sắp tới nếu có lợi nhuận thì cũng chủ yếu để bù đắp khoản thuê đất này. Công ty buộc phải chuyển hướng kinh doanh nếu không sẽ phải tiếp tục gánh chịu một khoản thuế đất rất nặng trong các năm tới.

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế:

Sáu tháng đầu năm 2014, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Nền kinh tế toàn cầu có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế về chính trị. Ở trong nước, sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm... Trong đó, đáng chú ý là thời gian gần đây tình hình biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, bước đầu ảnh hưởng đến động thái phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư cả nước.

Trước đó trong năm 2013, quốc hội đã thông qua nhiều chính sách quan trọng áp dụng từ năm 2014. Trong đó, chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1/1/2014 xuống còn 22% dự kiến sẽ tạo ra cú hích lớn trong nền kinh tế và là cơ hội cho nhiều Doanh nghiệp tận dụng vốn trong Sản xuất-Kinh doanh. Kèm theo đó, các chính sách có lợi về tiền lương cơ sở cùng với thuế thu nhập cá nhân cũng được đề xuất và thông qua, là những thông tin đáng mừng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc với với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao hơn cùng kỳ hai năm trước (ước tính đạt 5,18% so với mức 4,93% năm 2013). Ngoài ra, tăng trưởng GDP hàng quý, sau khi loại bỏ yếu tố mùa vụ, tiếp tục có xu hướng tăng kể từ quý 2/2013. Giá cả hàng hóa khá ổn định, với mức tăng của Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5% trong những tháng đầu năm 2014.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 70,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2013. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 69,6 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 30,3 tỷ USD, tăng 10,3% .Như vậy, Việt Nam tiếp tục xuất siêu xấp xỉ 1,3 tỷ USD trong nửa đầu năm 2014, sau khi đã xuất siêu 0,9 tỷ USD ở năm trước đó.

Nhìn chung, nền kinh tế nước công ty trong 6 tháng đầu năm 2014 tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng một số ngành, lĩnh vực đã có chuyển biến theo hướng tích cực. Thể hiện rõ nhất là lạm phát được kiểm chế ở mức thấp; kinh tế vĩ mô ổn định; sản xuất công nghiệp chế biến có dấu hiệu phục hồi dần; xuất khẩu hàng hóa tiếp tục đạt mức tăng khá. Tuy nhiên, trong thời gian qua, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập chưa được giải quyết triệt để; thời gian tới, những thách thức mới xuất hiện sẽ gây không ít áp lực cho sản xuất, kinh doanh trong nước và ảnh hưởng đến đời sống dân cư. Điều này thực sự sẽ có những tác động tích cực đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại.

2. Rủi ro Pháp luật:

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện.
- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro tăng giá tiền thuê đất:

Do công ty đặc thù hoạt động trong mảng truyền thống là cho thuê kho, với chính sách tăng thuế đất của nhà nước sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của công ty.

Rủi ro tỷ giá:

Sự tăng giảm của tỷ giá và các biến động liên tục của tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến mảng kinh doanh thương mại của công ty. Đặc biệt việc khan hiếm ngoại tệ cũng gây khó khăn cho việc nhập hàng.

Rủi ro tăng giá nhiên liệu:

Giá cả xăng dầu tăng cao cũng là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến mảng kinh doanh vận tải dịch vụ của công ty.

Cạnh tranh

Lĩnh vực kinh doanh vận tải dịch vụ ngày càng cạnh tranh gay gắt, nhiều Công ty mới ra đời làm phân tán thị phần của Công ty. Điều này ảnh hưởng lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty, trong khi đó quy mô và thị phần hoạt động chính của Công ty còn khiêm tốn...

4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá:

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn của mình tại Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi. Rủi ro của đợt bán đấu giá là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên công ty, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

VII. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

❖ Ông Võ Tá Sửu – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Võ Tá Sửu
Ngày tháng năm sinh	01/9/1950
Số CMND	013223924
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	1907 – 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	65.068 cổ phần tương ứng 2,77%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Vũ Thanh Hà – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	Vũ Thanh Hà
Ngày tháng năm sinh	29/9/1978
Số CMND	013393616
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	Số 54, ngõ 99/145/2, Định Công Hạ, P.Định Công, Hoàng Mai, HN
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	392.813 cổ phần tương ứng 16,7%
- Cá nhân	14.253 cổ phần tương ứng 0,6%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	378.560 cổ phần tương ứng 16,1%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Bà Trần Thị Thời – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Trần Thị Thời
Ngày tháng năm sinh	20/8/1959
Số CMND	010442928
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 59 phố 8/3, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ	52.169 cổ phần tương ứng 2,22%
- Cá nhân	52.169 cổ phần tương ứng 2,22%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Văn Tình – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Nguyễn Văn Tình
Ngày tháng năm sinh	10/10/1956
Số CMND	030848621
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	289 Lê Thánh Tông, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Chi nhánh Kho vận và DVTM Hải Phòng I
Số cổ phần nắm giữ	73.000 cổ phần tương ứng 3,1%
- Cá nhân	73.000 cổ phần tương ứng 3,1%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Kim Cương – Kế toán trưởng

Họ và tên	Nguyễn Kim Cương
Ngày tháng năm sinh	14/09/1973
Số CMND	111183663
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 10/583 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	392.272 cổ phần tương ứng 16,68%

- Cá nhân	13.712 cổ phần tương ứng 0,58%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	378.560 cổ phần tương ứng 16,1%
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

❖ Bà Vũ Thị Thơm - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Vũ Thị Thơm
Ngày tháng năm sinh	26/7/1960
Số CMND	010413940
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.21 Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Phụ trách hành chính
Số cổ phần nắm giữ	8.990 cổ phần tương ứng 0,38%
- Cá nhân	8.990 cổ phần tương ứng 0,38%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Phan Ngọc Tân- Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Phan Ngọc Tân
Ngày tháng năm sinh	05/4/1988
Số CMND	001088000373
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	48 ngách 19/78, Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên Ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	10.000 cổ phần tương ứng 0,43%
- Cá nhân	10.000 cổ phần tương ứng 0,43%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Cao Việt Tuấn - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Cao Việt Tuấn
Ngày tháng năm sinh	1977
Số CMND	030969351
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	297 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán Chi nhánh Công ty CP kho vận và DVTM Hải Phòng II kiêm Thành viên Ban kiểm
Số cổ phần nắm giữ	3.500 cổ phần tương ứng 0,15%
- Cá nhân	3.500 cổ phần tương ứng 0,15%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

3. Danh sách thành viên Ban giám đốc:**❖ Ông Vũ Thanh Hà – Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT**

Xem phần VII.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

❖ Bà Cao Thị Tuyết Hằng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Cao Thị Tuyết Hằng
Ngày tháng năm sinh	25/8/1957
Số CMND	01147026
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.433 – B9 Nam Thành Công, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	16.220 cổ phần tương ứng 0,69%
- Cá nhân	16.220 cổ phần tương ứng 0,69%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Đỗ Ngọc Tiến – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Đỗ Ngọc Tiến
Ngày tháng năm sinh	1958
Số CMND	013314038
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 56A, ngách 124/22 Âu Cơ, Hà Nội
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ	12.376 cổ phần tương ứng 0,53%
- Cá nhân	12.376 cổ phần tương ứng 0,53%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

4. Kế toán trưởng:**❖ Ông Nguyễn Kim Cương – Kế toán trưởng**

Xem phần VII.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

VIII. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ

1. Thông tin cơ bản:

- ❖ **Tên tổ chức phát hành** : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : TRANSPORT- WAREHOUSING AND TRADE SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : VINATRANCO
- ❖ **Trụ sở chính** : 473 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- ❖ **Điện thoại** : 043 8623566
- ❖ **Fax** : 043 8621214
- ❖ **Vốn Điều lệ hiện tại** : 23.504.000.000 đồng
- ❖ **Loại cổ phần phát hành** : Cổ phần phổ thông
- ❖ **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng (Mười ngàn đồng chẵn)
- ❖ **Số lượng cổ phần đấu giá** : 227.200 cổ phần
- ❖ **Giá khởi điểm** : 15.000 đồng/cổ phần
- ❖ **Hình thức phát hành** : Đấu giá công khai

2. Mục đích của việc chào bán:

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương của SCIC tại doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phiếu.

3. Phương pháp tính giá:

Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua cổ phần theo giá đó.

4. Phương thức phân phối:

Tổ chức bán đấu giá công khai ra bên ngoài.

5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

- Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.

- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt nam và tuân thủ Pháp luật Việt nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

- Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc giấy mời.

- Đặt cọc đủ 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban đấu giá công bố ngay tại thời điểm nộp đơn đăng ký đấu giá.

- Những đối tượng không được tham gia đấu giá:

+ Cán bộ SCIC có liên quan đến bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần phần Kho vận và Dịch vụ thương mại;

+ Cá nhân và tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần phần Kho vận và Dịch vụ thương mại.

6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:

- Thời gian đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc: từ 8h30 ngày **13/02/2015** đến 15h30 ngày **17/03/2015**.

- **Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp cọc:** Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam, chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (mọi chi phí liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền đặt cọc thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư).

❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Tổ chức đấu giá:

Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam

- **Địa chỉ** : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại** : (84-4) 3573 0073
- **Fax** : (84-4) 3573 0088

- Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

Lưu ý: Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời gian làm thủ tục đăng ký nêu trên.

Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của Tổ chức đấu giá.

7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá:

❖ Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp (bản chính);
- Có đóng dấu treo của Tổ chức bán đấu giá và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;
- Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát;
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm;
- Tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký;
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên phiếu và chữ ký giáp lai niêm phong của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định;
- Nếu có sự khác nhau giữa giá trị được ghi bằng số và giá trị được ghi bằng chữ thì giá trị được ghi bằng chữ sẽ được công nhận.

❖ **Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định và có 2 cách bỏ phiếu kín:**

- Cách 1: Đối với nhà đầu tư tham dự vắng mặt:

Nhà đầu tư gửi phiếu tham dự đấu giá chậm nhất 15h30 ngày 18/03/2015 đến địa điểm sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá ký nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

- Cách 2: Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại nơi tổ chức đấu giá:

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu theo thông báo thời điểm bỏ phiếu của Ban tổ chức đấu giá tại buổi đấu giá.

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu nơi cấp phiếu đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá:

- Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ.
- Trường hợp người đại diện cho pháp nhân mà không phải là người đại diện pháp lý của đơn vị, thì phải có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp lý của đơn vị.

- Đem phiếu đấu giá có đóng dấu treo của tổ chức đấu giá.

9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Từ 8h30 ngày **01/04/2015** đến 15h30 ngày **14/04/2015**.

- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Từ 8h30 ngày **01/04/2014** đến 15h30 ngày **09/04/2015**.

- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo trúng giá.

- Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần.

10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:

Tài khoản số : 4001 11000 4848 704 6805

Tại : Ngân Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Hội sở chính.

Chủ Tài khoản : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Nội dung : Nộp tiền mua cổ phần của Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại.

11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, việc bán cổ phần Nhà nước tại doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định đặc biệt và theo quy định tại Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam (Điều 10 của Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ) thì mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam với mức không hạn chế.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không

13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không

IX. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Địa chỉ: 473 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

2. Thời gian tổ chức đấu giá: 09h30 ngày 31/03/2015.

X. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Địa chỉ : 473 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 043 8623566

Fax : 043 8621214

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3573 0073

Fax : (84-4) 3573 0088

Website : www.ivs.com.vn

Đại diện Công ty cổ phần

Kho vận và Dịch vụ thương mại

Đã ký

Đại diện Công ty cổ phần

Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Đã ký

Ông: Vũ Thanh Hà

Giám đốc

Ông: Phạm Hữu Tuân

Phó Tổng Giám đốc